

GIÁO DỤC VỀ ĐA VĂN HÓA Ở MALAYSIA TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

HÀ THỊ ĐAN

Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương,
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 10/5/2026. Sửa chữa xong 16/6/2026. Duyệt đăng 27/6/2026.

Abstract

In the context of globalization and increasing integration, education on multiculturalism has become a crucial means of strengthening social cohesion, consolidating national identity, and developing human resources. In Southeast Asia, Malaysia stands out as a country with a high level of cultural diversity. This diversity, on the one hand, creates a rich and colorful cultural landscape, contributing to economic development, tourism, and creative industries; on the other hand, it also poses challenges of conflict, social stratification, and division. Based on this reality, Malaysia has identified education on cultural diversity as a vital pillar. This study, drawing on the core content of Malaysia's cultural policy, analyzes how the state and government have used education to build a unified national community in diversity. From this, it draws implications for Vietnam.

Keywords: Multiculturalism, education, Malaysia, globalization, culture

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, giáo dục đa văn hóa đã trở thành yếu tố then chốt trong việc xây dựng xã hội hiện đại, nhất là ở những quốc gia đa sắc tộc như Malaysia. Nhiều thập kỷ qua, Malaysia đã phát triển như một biểu tượng của sự đa dạng với cộng đồng Malay, Hoa, Ấn Độ và nhiều nhóm sắc tộc khác sống chung. Tuy nhiên, sự đa dạng này không tự động dẫn đến sự hòa hợp mà nó là cả một quá trình trong nỗ lực của nhà nước và Chính phủ Malaysia với vấn đề giải quyết hài hòa giữa tính đa dạng và sự thống nhất. Bối cảnh toàn cầu hóa cùng với sự tăng cường giao lưu giữa các nền văn hóa đặt ra yêu cầu mới cho hệ thống giáo dục: làm thế nào để nuôi dưỡng sự tôn trọng, thấu hiểu và hợp tác trong một môi trường đa dạng? Do đó, vấn đề đặt ra là: làm thế nào giáo dục Malaysia có thể thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời phát huy tiềm năng của sự đa dạng để nuôi dưỡng những thế hệ công dân toàn cầu, có khả năng thích nghi và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đa văn hóa ở Malaysia

Ở Đông Nam Á, Malaysia được xem là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng văn hóa vào loại tương đối cao. Không giống nhiều quốc gia trong khu vực có một nhóm dân tộc chiếm ưu thế tuyệt đối về quy mô, Malaysia được hình thành trên nền tảng của một xã hội đa tộc người (plural society) - nơi nhiều cộng đồng dân cư với nguồn gốc lịch sử, ngôn ngữ, tín ngưỡng và truyền thống văn hóa khác nhau cùng tồn tại. Ngoài cư dân bản địa (người Bumiputera), Malaysia hiện tồn tại ba cộng đồng lớn là người Melayu (chiếm khoảng 70% dân số), người Hoa (chiếm khoảng 23% dân số) và người Ấn Độ (khoảng 7%) (Bộ Kinh tế và Cục thống kê Malaysia, 2026). Bên cạnh ba cộng đồng này còn có hàng chục dân tộc bản địa như Iban, Bidayuh, Kadazan-Dusun, Murut, Bajau, Melanau, Orang Ulu, Semai, Temiar, Jakun... Đa dạng văn hóa ở Malaysia còn được phản ánh rõ nét trong lĩnh vực tôn giáo. Do nằm ở ngã tư đường nên hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới đều có mặt ở đây, bao gồm: Islam giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Ấn Độ giáo, Đạo giáo, Sikh giáo. Nguồn gốc của tính đa dạng này được hình thành từ nhiều yếu tố khác nhau. Trước

Email: hadan1983@yahoo.com

thời kỳ thuộc địa, bán đảo Mã Lai đã là điểm giao thương quan trọng nằm trên tuyến hàng hải nối liền Ấn Độ Dương với Biển Đông. Trong nhiều thế kỷ, các thương nhân đến từ Trung Quốc, Ấn Độ, Trung Đông và quần đảo Mã Lai đã mang theo các sắc màu văn hóa đến khu vực này tạo nên sự giao lưu và tiếp biến sâu rộng. Đến thời kỳ thực dân Anh (thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX), quá trình nhập cư quy mô lớn của lao động người Hoa vào các khu khai thác thiếc và lao động người Ấn Độ vào các đồn điền cao su đã làm thay đổi sâu sắc cơ cấu dân cư của Malaysia. Chính sách quản lý thuộc địa của Anh với việc phân chia chức năng kinh tế theo sắc tộc đã hình thành nên mô hình “xã hội đa nguyên” mà Furnivall từng mô tả là “cùng tồn tại nhưng không thực sự hòa nhập” (John Sydenham Furnivall, 1948). Với những đặc điểm như vậy, Malaysia thường được các học giả gọi là “một châu Á thu nhỏ”.

Sự đa dạng này vừa là nguồn lực phát triển, vừa là thách thức đối với Malaysia. Một mặt, nó góp phần hình thành sức hấp dẫn về du lịch, thúc đẩy giao lưu quốc tế, làm giàu nguồn vốn xã hội và tạo điều kiện cho sự sáng tạo trong phát triển kinh tế. Mặt khác, sự dị biệt về sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ cũng có thể dẫn đến phân tầng xã hội, cạnh tranh nguồn lực và xung đột nếu thiếu các chính sách phù hợp. Thực tế lịch sử cho thấy, cuộc bạo loạn sắc tộc ngày 13/5/1969 đã trở thành bước ngoặt khiến Chính phủ Malaysia nhận thức sâu sắc rằng phát triển kinh tế phải đi đôi với củng cố đoàn kết dân tộc và quản trị hiệu quả sự đa dạng văn hóa. Từ đó, giáo dục được xác định là công cụ trung tâm để xây dựng bản sắc quốc gia, tăng cường hiểu biết liên văn hóa và hình thành ý thức công dân. Nhà nước và Chính phủ Malaysia thay vì xem khác biệt là nguyên nhân của chia rẽ đã từng bước xây dựng hệ thống chính sách nhằm biến đa dạng văn hóa thành nền tảng cho đoàn kết. Trong tiến trình đó, giáo dục được coi là thiết chế quan trọng để truyền tải các giá trị đa văn hóa, tăng cường hiểu biết giữa các cộng đồng và hình thành bản sắc quốc gia chung. Đây cũng chính là cơ sở để chính phủ nước này đề ra nhiều chiến lược và chương trình giáo dục đa văn hóa trong vài thập niên qua - nội dung sẽ được phân tích ở các phần tiếp theo của bài viết.

2.2. Một số nội dung chủ yếu trong giáo dục về đa văn hóa ở Malaysia

Ngay từ khi giành độc lập năm 1957, Chính phủ Malaysia nhận thức rằng sự đa dạng về sắc tộc, tôn giáo và văn hóa vừa là nguồn lực phát triển, vừa là nguy cơ gây chia rẽ nếu không được quản trị hiệu quả. Do đó, khác với nhiều quốc gia lựa chọn đồng hóa các cộng đồng thiểu số, Malaysia xác định giáo dục là công cụ quan trọng nhất để dung hòa giữa hai mục tiêu tưởng như đối lập: bảo tồn bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân tộc và xây dựng bản sắc quốc gia thống nhất.

Quan điểm này được thể hiện xuyên suốt trong hệ thống chính sách giáo dục kể từ Báo cáo Razak (Razak Report, 1956), Báo cáo Rahman Talib (1960); Hiến pháp 1957 và Hiến pháp sửa đổi sau đó; Đạo luật Giáo dục 1961, Đạo luật Giáo dục 1996, Triết lý giáo dục; Malaysia Education Blueprint 2013-2025 và Malaysia Education Plan (RPM) 2026-2035. Các tài liệu này đều coi trường học không đơn thuần là nơi truyền đạt tri thức mà còn là thiết chế xã hội có chức năng hình thành bản sắc công dân, tăng cường đoàn kết quốc gia và nuôi dưỡng sự tôn trọng đối với sự khác biệt văn hóa. Ngoài ra, các chính sách về văn hóa cũng là “kênh” để đề ra những mục tiêu, kế hoạch nhằm định hướng các vấn đề liên quan giáo dục đa văn hóa và sự vận dụng trong thực tế. Dựa trên hệ thống văn bản ấy, người viết nhận thấy nội dung giáo dục về tính đa dạng văn hóa của Malaysia có 3 vấn đề chính như sau:

2.2.1. Coi trọng sự khác biệt về văn hóa trong giáo dục đa văn hóa

Một cách khái quát, có thể thấy trong thời kỳ đầu ngay khi giành độc lập (1957), chính phủ nước này chủ trương đoàn kết dân tộc nơi mà các cộng đồng người sống hòa hợp thông qua nỗ lực xây dựng, tìm kiếm và phát triển những điểm tương đồng. Năm 1970, thủ tướng Tunku Abdul Rahman đã nhấn mạnh: “Tất cả chúng ta đều là người Malaysia. Đó là mối liên kết đoàn kết” (Trần Thúy Anh, 2019). Theo đó, việc đề cao tính chung, nét tương đồng được ưu tiên và coi trọng hơn so với sự đa dạng. Song nội dung này có sự chuyển biến theo thời gian. Trước hết là trong chính sách văn hóa quốc gia 1971. Nội dung nêu bật ba nguyên tắc: 1) Văn hóa quốc gia phải dựa trên nền tảng văn hóa bản địa của khu vực (văn hóa Melayu); 2) Các yếu tố của các nền văn hóa khác có thể được chấp nhận như một phần

của văn hóa quốc gia nếu thấy phù hợp; 3) Islam là một thành tố quan trọng trong sự hình thành văn hóa quốc gia (Phạm Thanh Tịnh, 2018). Như vậy, cách tiếp cận này phản ánh quan điểm rằng sự đa dạng không phải là rào cản đối với phát triển mà là nguồn lực cần được quản trị hiệu quả để hướng tới mục tiêu “thống nhất trong đa dạng” (unity in diversity). Điều này khá tương thích với triết lý giáo dục quốc gia (National Education Philosophy) khi xác định giáo dục là quá trình liên tục nhằm phát triển tiềm năng của mỗi cá nhân một cách toàn diện nhằm hướng tới sự cân bằng về trí tuệ, tinh thần, cảm xúc và thể chất (Bộ Giáo dục Malaysia, 1988).

Kế thừa những định hướng của Chính sách văn hóa quốc gia năm 1971, chính sách văn hóa quốc gia năm 2021 (DAKEN) đã được hoàn thiện và bổ sung cho phù hợp với tình hình mới. Thay vì chỉ tập trung vào yếu tố bản sắc, nội dung chính sách này khuyến khích mở rộng không gian văn hóa đa nguyên nơi mà mỗi nét văn hóa đều được tôn trọng nhằm hướng tới sự thịnh vượng chung. Theo đó, khuyến khích đối thoại giữa các cộng đồng bản địa nhằm hướng tới mục tiêu thúc đẩy một xã hội hài hòa thông qua phát triển nguồn nhân lực (Hoàng Thị Mỹ Nhi, 2025). Từ chính sách chung của Nhà nước và Chính phủ, quốc gia này đã có những chương trình cụ thể để hiện thực hóa mục tiêu và chiến lược của mình thông qua hệ thống giáo dục và phương pháp giáo dục. Và để hiện thực hóa chủ trương, chính sách trên, Nhà nước và chính phủ Malaysia đã kết hợp với các Bộ/Ban/Ngành tiến hành tích hợp hoạt động đa văn hóa trong chương trình giảng dạy ở hệ thống trường học các cấp.

2.2.2. Tích hợp và lồng ghép nội dung đa văn hóa trong các môn học ở trường học

Một điểm nữa trong giáo dục về tính đa văn hóa của Malaysia là phương pháp giáo dục tích hợp. Tích hợp ở đây được hiểu là thay vì xây dựng một môn học riêng về giáo dục đa văn hóa, Malaysia lựa chọn phương pháp lồng ghép nội dung đa dạng văn hóa vào các môn như toán, khoa học, lịch sử, nghệ thuật, giáo dục công dân, kỹ năng sống... Theo đó, các nội dung về lịch sử hình thành đất nước, các cộng đồng dân tộc, tôn giáo, lễ hội, truyền thống văn hóa và kỹ năng sống được đan cài một cách linh hoạt, hiệu quả. Ngoài ra, tích hợp còn được tiếp cận dưới góc độ người giảng dạy, có nghĩa là GV đưa góc nhìn đa văn hóa vào nội dung bài giảng giúp người học có thể thuận lợi và không có những bất đồng trong tiếp cận tri thức. Mỗi môn học do vậy thay vì chỉ dạy để hiểu về môn học đó sẽ được thiết kế để phản ánh sự đa dạng. Chẳng hạn như đối với môn Lịch sử, HS không chỉ được học về những sự kiện - nhân vật lịch sử, sự thăng trầm của các vương triều mà còn học về các di sản và giá trị văn hóa của người Malay, người Hoa, Ấn Độ cũng như truyền thống văn hóa của người bản địa và những tộc người khác nhau (Ahmad Ali Semana, Abdul Razaq Ahmadb, Zahara Azizc, Ahmad Rafaai Ayudinur, Awang-Hashim, 2011).

Ngoài việc tích hợp giáo dục về tính đa dạng văn hóa trong các môn học chính khóa, giáo dục đa văn hóa ở Malaysia còn được triển khai thông qua nhiều hoạt động ngoại khóa và các chương trình giao lưu văn hóa trong nhà trường. Những hoạt động này không chỉ nhằm truyền đạt kiến thức về sự đa dạng sắc tộc mà còn tạo điều kiện để HS trực tiếp trải nghiệm và tương tác với các nền văn hóa khác nhau. Nhiều trường học thường xuyên tổ chức hội chợ văn hóa (cultural fair), ngày hội ẩm thực (food festival), biểu diễn nghệ thuật truyền thống, múa dân gian, trình diễn trang phục truyền thống, các cuộc thi tìm hiểu về di sản văn hóa cũng như các chương trình chào mừng những lễ hội tiêu biểu của các cộng đồng như Hari Raya Aidilfitri của người Malay theo đạo Hồi, Tết Nguyên đán của cộng đồng người Hoa, Deepavali của cộng đồng người Ấn Độ và lễ hội Gawai hoặc Kaamatan của các nhóm dân tộc bản địa ở Sabah và Sarawak. Trong các hoạt động này, HS thuộc các cộng đồng dân tộc khác nhau cùng tham gia giới thiệu nét đặc trưng về ngôn ngữ, ẩm thực, âm nhạc, trang phục, tín ngưỡng và phong tục của cộng đồng mình, đồng thời trải nghiệm và tìm hiểu văn hóa của các cộng đồng khác. Bên cạnh đó, nhiều trường còn triển khai các chương trình giao lưu văn hóa liên trường hoặc giao lưu giữa các trường quốc gia (Sekolah Kebangsaan) với các trường sử dụng tiếng Hoa (Sekolah Jenis Kebangsaan Cina) và các trường sử dụng tiếng Tamil (Sekolah Jenis Kebangsaan Tamil). Thông qua các chuyến tham quan, hoạt động học tập theo dự án, câu lạc bộ, chương trình homestay, các buổi thảo luận và sinh hoạt tập thể, HS có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với bạn bè đến từ những nền văn hóa, tôn giáo và ngôn ngữ khác nhau. Những hoạt động này giúp các em giảm bớt định kiến, phát triển kỹ năng giao

tiếp liên văn hóa, tăng cường sự thấu hiểu và tôn trọng sự khác biệt, từ đó góp phần xây dựng bản sắc công dân Malaysia dựa trên tinh thần đoàn kết trong đa dạng (*unity in diversity*) (Cổng thông tin chính thức của Chính phủ Malaysia, 2013).

2.2.3. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng năng lực cho người dạy về đa văn hóa

Muốn giáo dục về tính đa dạng văn hóa - nơi những nhóm người đến từ các cộng đồng, tôn giáo và sắc tộc khác nhau đều có thể chung sống hài hòa, tôn trọng sự khác biệt trong bản sắc quốc gia - ngoài yếu tố chính sách của chính phủ, chương trình giáo dục thì vai trò của người dạy cũng hết sức quan trọng.

Xuất phát từ khảo sát và điều tra, nghiên cứu nhóm một số GV mầm non ở Malaysia được đào tạo về giáo dục đa văn hóa cho thấy, dù có nỗ lực trong quá trình đào tạo song khi ứng dụng vào thực tiễn họ vẫn còn nhiều hạn chế. Nhóm người này tuy có đánh giá tích cực đối với các khóa đào tạo về giáo dục đa văn hóa mà họ đã tham gia nhưng mức độ hiểu biết thực sự của họ về khái niệm đa văn hóa vẫn còn đáng nghi ngờ, vì khoảng hai phần ba GV bộc lộ những hiểu lầm đối với các nguyên lý nền tảng của giáo dục đa văn hóa (Melissa Ng Lee Yen Abdullah¹, Anna Christina Abdullah, 2018). Để khắc phục điều này, chính sách đào tạo GV của Malaysia đã bắt đầu nhấn mạnh việc bồi dưỡng năng lực đa văn hóa. Các trường sư phạm tích hợp khóa học về quản lý lớp học đa văn hóa, kỹ năng giải quyết xung đột và xây dựng khung giảng dạy dựa trên sự đa dạng. Ngoài ra, những chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho GV được thiết kế để giúp họ nắm vững cách tích hợp các nội dung về lịch sử, văn hóa và các kỹ năng liên văn hóa, điển hình như: Thông qua Viện Giáo dục GV Malaysia (IPGM), Bộ Giáo dục đã rà soát chương trình đào tạo tích hợp các yếu tố về đoàn kết dân tộc, đa dạng văn hóa vào 75 học phần từ năm 2020 (Melissa Ng Lee Yen Abdullah¹, Anna Christina Abdullah, 2018). Đồng thời, các học phần như Nghiên cứu xã hội học văn hóa, Quản lý lớp học được sử dụng để trang bị cho GV kiến thức về lịch sử các cộng đồng dân tộc, sự đa dạng văn hóa, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa và xây dựng môi trường học tập hòa nhập. Chính mô hình này đã tạo ra một thể hệ GV có khả năng không chỉ giảng dạy kiến thức mà còn nuôi dưỡng sự đồng cảm và tôn trọng giữa các cộng đồng. Theo cách đó, họ không chỉ là người truyền đạt kiến thức mà còn trở thành cầu nối giúp HS nhìn nhận lịch sử và văn hóa của Malaysia như một bức tranh thống nhất, đa chiều. Thực tế cho thấy: “Những GV đã qua đào tạo về giáo dục đa văn hóa có khả năng tham gia tích cực hơn vào việc đấu tranh chống lại định kiến tại trường học, cũng như dễ dàng xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với HS thuộc các nền văn hóa đa dạng. Họ được trang bị tốt hơn về các phương pháp thực hành giáo dục đa văn hóa và có xu hướng điều chỉnh chiến lược giảng dạy để phù hợp với môi trường đa văn hóa” (Melissa Ng Lee Yen Abdullah¹, Anna Christina Abdullah, 2018).

Bên cạnh việc điều chỉnh chương trình đào tạo GV tại các Viện Giáo dục GV Malaysia (IPGM), các nghiên cứu tại Malaysia cũng đã thử nghiệm những mô hình bồi dưỡng năng lực đa văn hóa cho người dạy. Tiêu biểu là “Multicultural Competence Workshop” - một chương trình tập huấn được thiết kế nhằm phát triển ba thành tố của năng lực đa văn hóa gồm nhận thức (multicultural awareness), kiến thức (multicultural knowledge) và kỹ năng (multicultural skills)... đồng thời giúp GV vận dụng phương pháp dạy học đáp ứng văn hóa trong lớp học đa sắc tộc. Những cải cách này góp phần nâng cao năng lực của GV trong việc xây dựng môi trường học tập tôn trọng sự khác biệt và thúc đẩy đoàn kết trong xã hội đa sắc tộc (Tengku Nor Rizan Tengku Mohd Maasum, Nooreiny Maarofb, Manisah Mohd Alic, 2013).

Có thể nói, vai trò của GV được xem là trụ cột trong việc hình thành và duy trì một cộng đồng gắn kết. Malaysia, với sự đa dạng tôn giáo, sắc tộc, ngôn ngữ đòi hỏi đội ngũ GV phải được trang bị kiến thức vững vàng về các quá trình lịch sử và văn hóa của từng nhóm dân tộc. Bởi vì như dạy Lịch sử chẳng hạn, GV không chỉ đơn thuần truyền đạt những sự kiện khô khan mà còn giúp HS hiểu về sự di cư của người Ấn, người Hoa và sự lan tỏa của Islam giáo từ Trung Đông. Nếu GV thiếu hiểu biết về những quá trình này, họ sẽ khó truyền tải sự đa dạng, dẫn đến nguy cơ làm mất đi sự đồng cảm và tôn trọng. Thêm vào đó, việc bồi dưỡng GV đa văn hóa còn giúp họ phát triển những kỹ năng phản chiếu - tức là khả năng tự đánh giá và điều chỉnh phương pháp giảng dạy để phù hợp với nhu cầu của từng HS. Điều này đặc biệt quan trọng khi lớp học trở nên đa dạng về ngôn ngữ, tôn giáo và nền tảng văn hóa. Khi

GV biết cách lắng nghe, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, họ sẽ giúp HS từ những nền tảng khác nhau cảm thấy được lắng nghe, thấu hiểu và có cơ hội phát triển. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực đa văn hóa còn thúc đẩy GV trở thành những người dẫn dắt tích cực, khuyến khích HS đặt câu hỏi, suy ngẫm và tôn vinh sự đa dạng trong suy nghĩ và hành động. Nhờ vậy, GV trở thành những kiến trúc sư vô hình, xây dựng nền tảng cho một xã hội Malaysia hòa hợp - nơi mọi cá nhân đều được trân trọng và phát triển trong sự đa dạng.

2.3. Một vài nhận xét, đánh giá và hàm ý chính sách cho Việt Nam

2.3.1. Một vài nhận xét, đánh giá

Mô hình giáo dục về tính đa văn hóa của Malaysia là cả một quá trình lâu dài trong lịch sử. Từ chỗ chú trọng tới tính đoàn kết thông qua giá trị chung và đề cao điểm tương đồng mà họ dần từng bước có sự điều chỉnh cho phù hợp với mỗi giai đoạn khác nhau. Những thành tựu mà Malaysia đạt được trong giáo dục đa văn hóa rất đáng chú ý, cụ thể: 1) Việc giúp người dân hiểu và tôn trọng sự khác biệt chính là nền tảng vững chắc nhằm hướng tới tính thống nhất trong đa dạng. Bởi lẽ Malaysia là một quốc gia đa dạng với các dân tộc Malay, Hoa, Ấn và các nhóm bản địa. Chính sách này không chỉ giúp gắn kết xã hội mà còn biến sự khác biệt thành sức mạnh, góp phần xây dựng một quốc gia đoàn kết với bức tranh văn hóa rực rỡ sắc màu; 2) Việc tích hợp giáo dục đa văn hóa vào từng môn học cụ thể là một bước tiến rất sáng tạo. Thay vì chỉ dạy riêng lẻ, giáo dục Malaysia đã lồng ghép tinh tế sự đa dạng vào lịch sử, nghệ thuật, giáo dục công dân, các chương trình ngoại khóa và các hoạt động giao lưu văn hóa. Việc này giúp người học không chỉ học về các sự kiện - nhân vật lịch sử mà còn thấy rõ quá trình giao thoa, sáng tạo văn hóa của tiền nhân trong quá khứ; 3) Việc bồi dưỡng năng lực cho người dạy là yếu tố quyết định. Malaysia hiểu rằng GV chính là những người truyền cảm hứng và định hình thái độ của HS. Nhờ có các chương trình bồi dưỡng, tập huấn, GV Malaysia được trang bị kiến thức và kỹ năng để dạy trong môi trường đa văn hóa. Từ đó, tạo nên một thế hệ người học có khả năng hiểu biết, tôn trọng và hợp tác trong sự đa dạng. Tất cả những thành tựu này là bài học quý giá cho các quốc gia khác. Các nước có sự đa dạng văn hóa có thể học tập mô hình Malaysia, đặc biệt là sự cân bằng giữa bản sắc và sự tôn trọng tính khác biệt. Những bước đi này đã tạo ra một nền giáo dục bền vững, linh hoạt, có thể đáp ứng nhu cầu của một thế giới ngày càng đa dạng và hội nhập.

Mặc dù Malaysia đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong giáo dục đa văn hóa nhưng người viết vẫn nhận thấy một số điểm chưa thật sự đáp ứng được các yêu cầu của bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, cụ thể: 1) Sự đa dạng trong các lớp học dù được nhấn mạnh song vẫn chưa thật sự đồng đều ở tất cả các vùng. Các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi cơ sở hạ tầng và nguồn lực giáo dục còn nhiều hạn chế, vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các chương trình đa văn hóa chất lượng. Vì vậy, cần có những giải pháp hỗ trợ đặc biệt cho các vùng này, bao gồm: việc phân bổ GV đa văn hóa, xây dựng các tài nguyên học tập số, tăng cường kết nối giữa các nhà trường...; 2) Mặc dù người đứng lớp được bồi dưỡng về đa văn hóa song khía cạnh phát triển kỹ năng mềm và sự linh hoạt trong giảng dạy đôi khi còn hạn chế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, người học không chỉ cần hiểu về sự đa dạng văn hóa mà còn cần kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, khả năng tư duy phê phán và sáng tạo. Malaysia có thể bổ sung các khóa bồi dưỡng cho người dạy về những phẩm chất này, giúp họ linh hoạt hơn khi thiết kế các bài giảng; 3) Cần có một chiến lược dài hạn để đánh giá, cập nhật chương trình. Việc giáo dục đa văn hóa không thể đứng yên mà cần liên tục thích nghi với những biến đổi về công nghệ, di cư và những luồng văn hóa mới. Malaysia có thể thiết lập những ủy ban giám sát độc lập, thường xuyên thu thập phản hồi từ HS, GV và cộng đồng để liên tục cải tiến.

2.3.2. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Những thành tựu của Malaysia trong giáo dục đa văn hóa để lại nhiều bài học hữu ích và sự tham chiếu cần thiết cho Việt Nam, cụ thể: 1) Việt Nam nên học Malaysia ở việc xem sự đa dạng là một lợi thế. Giống như Malaysia, Việt Nam có 54 dân tộc với những nền văn hóa phong phú. Chúng ta cần đưa sự đa dạng vào trung tâm giáo dục, xem sự khác biệt là điều cần trân trọng và khai thác. Sự tôn trọng này sẽ giúp HS phát

triển tư duy mở, hợp tác và sẵn sàng thích nghi với những nền văn hóa khác; 2) Việt Nam có thể học Malaysia ở việc lồng ghép giáo dục đa văn hóa vào từng môn học. Thay vì chỉ là một môn học riêng, sự đa dạng nên được tích hợp vào lịch sử, văn học, địa lý, giáo dục công dân, mỹ thuật, âm nhạc... Chẳng hạn, khi dạy lịch sử, chúng ta không chỉ nhấn mạnh các sự kiện lớn mà phải khuyến khích HS khám phá sự giao thoa giữa các nền văn hóa, những đóng góp của các dân tộc khác nhau, từ đó tạo ra một bản sắc Việt Nam phong phú và đa dạng, nhiều giá trị. Việc tích hợp liên môn này sẽ giúp HS hiểu được sự giàu có của lịch sử và văn hóa Việt Nam; 3) Bài học quan trọng khác là việc bồi dưỡng GV. Cũng như Malaysia, Việt Nam cần xây dựng những chương trình phát triển chuyên sâu cho GV, giúp họ không chỉ truyền tải kiến thức mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, xử lý các xung đột, khuyến khích sự đồng cảm. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, rõ ràng GV là cầu nối giúp HS Việt Nam tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế.

Như vậy, những bài học từ Malaysia giúp Việt Nam củng cố khung giáo dục đa văn hóa, đảm bảo HS đều được tôn trọng; GV được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết. Khi các hoạt động đa văn hóa được tích hợp một cách thực chất sẽ góp phần xây dựng một xã hội Việt Nam đa dạng, gắn kết, phát triển bền vững, thịnh vượng, có thể bắt kịp và sánh ngang với những quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới.

3. Kết luận

Có thể nhận thấy chiến lược giáo dục đa văn hóa của Malaysia mang tính hệ thống và được triển khai liên tục trong gần bảy thập niên. Điểm nổi bật của chiến lược này là không coi giáo dục đa văn hóa chỉ là một môn học hay một hoạt động ngoại khóa mà là một định hướng xuyên suốt toàn bộ hệ thống giáo dục, từ chính sách và mục tiêu tổng thể đến chương trình đào tạo GV, nội dung sách giáo khoa, tổ chức trường học cho đến các chính sách về ngôn ngữ và hoạt động cộng đồng... Sự kết hợp giữa việc bảo tồn bản sắc văn hóa của từng cộng đồng với xây dựng các giá trị chung của quốc gia đã tạo nên mô hình quản trị giáo dục đa văn hóa mang bản sắc riêng của Malaysia. Mặc dù vẫn còn những tranh luận về mức độ phân tách giữa các loại hình trường học và hiệu quả của các chương trình hội nhập, kinh nghiệm của Malaysia cho thấy giáo dục có thể trở thành công cụ trung tâm trong việc quản trị sự đa dạng văn hóa, tăng cường đoàn kết dân tộc và xây dựng một xã hội ổn định trong điều kiện đa sắc tộc.

Tài liệu tham khảo

Ahmad Ali Seman, Abdul Razaq Ahmad, Zahara Aziz, Ahmad Rafaai Ayudin & Awang-Hashim (2011). *The effectiveness of teaching and learning history based on multicultural towards national integration in Malaysia*. *Procedia Computer Science*, 3(1), 1588-1596. <https://www.researchgate.net>.

Bộ Giáo dục Malaysia (1988). *Triết lý giáo dục quốc gia Malaysia (Malaysian National Philosophy)*. <https://www.moe.gov.my/index.php/falsafah-pendidikan-kebangsaan>.

Bộ Kinh tế và Cục Thống kê Malaysia (2026). *Population and Housing Census*. <https://www.dosm.gov.my/portal-main/release-content/launching-of-report-on-the-key-findings-population-and-housing-census-of-malaysia-2020>.

Cổng thông tin chính thức của Chính phủ Malaysia (2013). *Malaysia Education Blueprint 2013-2025*. <https://www.pmo.gov.my>.

John Sydenham Furnivall (1948). *Colonial Policy and Practice*. Cambridge University Press.

Melissa Ng Lee Yen Abdullah & Anna Christina Abdullah (2018). *Preschool teachers' training and attitude towards multicultural education in Malaysia*. <https://ejournal.upsi.edu.my/index.php/SAECJ/article/view/1003>.

Hoàng Thị Mỹ Nhị (2025). Sự điều chỉnh chính sách văn hóa quốc gia của Malaysia từ năm 1971 đến năm 2021. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương*, số 4, tr. 94.

Phạm Thanh Tịnh (chủ biên, 2018). *Biến đổi văn hóa Melayu ở Malaysia trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Nxb Khoa học Xã hội.

Tengku Nor Rizan Tengku Mohd Maasum, Nooreiny Maarof & Manisah Mohd Ali (2013). *Addressing Student Diversity via Culturally Responsive Pedagogy*. https://www.researchgate.net/publication/265124135_Addressng_Student_Diversity_via_Culturally_Responsive_Pedagogy.

Trần Thúy Anh (2019). Malaysia - một quốc gia đa dân tộc và văn hóa. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, số 11, tháng 3, tr. 26.